TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 30/2022/ HNGĐ- ST
Ngày: 25- 4- 2022
Tranh chấp về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị P

2. Ông Nguyễn Văn C

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Q - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022 tranh chấp về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: *Ông Nguyễn Phúc Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú tại số 69, ấp Giải P, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái N, tỉnh Cà M.

- Bị đơn: *Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1978 (vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú tại nhà số 512, khóm Tân A, phường Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2021, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân và con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ tài sản. Ông Đ và bà H cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, thị xã Vĩnh Long (nay là phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh L) vào ngày 27/11/2003. Về con chung, có 01 con chung Nguyễn Phúc Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2005, hiện tại bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đ khai tại biên bản ngày 28/3/2022 rằng: Vợ chồng không có mâu thuẫn, do công việc làm ăn nên mỗi người sinh sống một nơi, từ năm 2010 cho đến nay. Ông Đ về sinh sống cùng cha mẹ ruột tại nhà số 69, ấp Giải P, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái N, tỉnh Cà M. Thỉnh thoảng có liên hệ và gặp bà H, nay ông Đ xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung, đồng ý giao con chung

cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông Đ làm nghề tài xế, có lương thu nhập 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H khai tại đơn yêu cầu ngày 15/01/2022 và đơn ngày 19/4/2022 rằng: Mâu thuẫn vợ chồng rất lâu và ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý ly hôn với ông Đ. Về con chung, đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 12/12/2021 và lời khai ngày 28/3/2022, không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 15/01/2022, không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định. Về nội dung, đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc Đ. Về con chung, bà H tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Phúc Quỳnh N, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, ông Đ phãi chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Đây là tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ và bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Đ và bà H theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa ông Đ và bà H có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn ngày 27/11/2003. Xét lời khai của ông Đ và bà H đều xác nhận cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn và đã ly thân. Hiện tại cả đôi bên không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận yêu cầu của ông Đ và bà H thỏa thuận thuận tình ly hôn với nhau.

[3]. Ông Đ và bà H thỏa thuận thành việc nuôi con chung và theo đơn trình bày của Nguyễn Phúc Quỳnh N có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ và không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, bà H được tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phúc Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2005. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Đ và bà H phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, ông Đ và bà H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, ông Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0000933 ngày 04/01/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; ông Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Phúc Đ và bà Nguyễn Thị Như H. Ông Đ và bà H được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phúc Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2005.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phúc Quỳnh N.

Ông Đ được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II . Về án phí sơ thẩm: Ông Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số $N^0$0000933, ngày 04/01/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; ông Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thu T

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Tòa án tỉnh
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.